

Phát triển kinh tế biển xanh Ninh Thuận

Phan Thị Xuân Hằng*

Nhận ngày 11 tháng 11 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 02 năm 2024.

Tóm tắt: Ninh Thuận là 1/28 tỉnh, thành phố ven biển của nước ta, với bờ biển dài hơn 105km, vùng lãnh hải rộng trên 18.000 km², là một trong những ngư trường trọng điểm của cả nước, có nhiều vịnh, bãi biển đẹp, khí hậu đặc thù nắng ấm quanh năm... đó chính là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển và bảo tồn, phát huy giá trị của biển, đảo quê hương. Tuy nhiên, để kinh tế biển Ninh Thuận trở thành động lực và có sức lan tỏa đến các lĩnh vực kinh tế khác thì ngành kinh tế biển địa phương cũng đối diện với những khó khăn, thách thức. Trên cơ sở đánh giá, phân tích hiện trạng, cũng như đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và yêu cầu phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, bài viết đưa ra kịch bản kinh tế biển xanh dựa trên những đánh giá tích cực, khả thi theo góc nhìn cá nhân để tham khảo.

Từ khóa: Kinh tế biển, kinh tế biển xanh, phát triển bền vững, Ninh Thuận.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: Ninh Thuận is one of 28 coastal provinces and cities of Vietnam, with a coastline of more than 105 km, a territorial sea of over 18,000 km², one of the key fishing grounds of the country, having many bays and beaches, beautiful and unique climate with warm sunshine all year round... These are favorable conditions for developing the marine economy and preserving and promoting the value of the homeland's seas and islands. However, for Ninh Thuận's marine economy to become a driving force and have the power to spread to other economic sectors, the local marine economy also faces difficulties and challenges. Based on assessment and analysis of the current situation, as well as ensuring local socio-economic development requirements and sustainable marine economic development, the article presents a blue marine economic scenario based on positive and feasible assessments from a personal perspective for reference.

Keywords: Marine economy, blue marine economy, sustainable development, Ninh Thuận.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Ninh Thuận là địa phương được Chính phủ xác định có một vai trò vô cùng quan trọng, là địa phương đi đầu trong phát triển kinh tế biển và là trọng điểm phát triển du lịch quốc gia (Lê Anh Tú, 2023). Điểm khác biệt so với các địa phương ven biển khác đó là Ninh Thuận có vùng biển nước trời, là một trong những ngư trường lớn của cả nước nên việc phát triển kinh tế biển và vùng ven biển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển. Đặc biệt, gần đây ngành năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời...) đã đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế và có thể tiến đến thay thế dần cho năng lượng truyền thống trong tương lai.

Tài nguyên kinh tế biển là có thừa, nhưng sự khai thác và phát triển về biển của Ninh Thuận so với các địa phương lân cận còn rất khiêm tốn, nhất là trong bối cảnh thúc đẩy

* Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Phân hiệu Ninh Thuận.

Email: hang.phanthixuan@hcmuaf.edu.vn

phát triển kinh tế biển xanh của quốc gia theo Nghị quyết 36/NQ-TW, vì vậy cần thiết phải có những nghiên cứu sâu về tiềm năng, lợi thế cũng như những khó khăn, thách thức, từ đó đưa ra kịch bản phát triển kinh tế biển xanh Ninh Thuận.

2. Quan niệm về kinh tế biển và kinh tế biển xanh

2.1. Kinh tế biển

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (2016), quan niệm kinh tế biển có thể được định nghĩa là *tổng các hoạt động kinh tế của các ngành sản xuất dựa trên đại dương và tài sản, hàng hóa và dịch vụ của các hệ sinh thái biển*.

Các ngành kinh tế dựa trên biển và đại dương có thể được chia thành các hàng hóa, dịch vụ thị trường và nguồn vốn vật chất của các ngành kinh tế. Số lượng các ngành kinh tế biển phụ thuộc vào từng quốc gia. Tổ chức OECD đề xuất hệ thống phân loại các lĩnh vực kinh tế biển chính thành 02 nhóm: truyền thống và mới nổi (Bảng 1).

Bảng 1. Phân loại các ngành kinh tế biển

Ngành kinh tế biển truyền thống	Ngành kinh tế biển mới
Đánh bắt thủy sản	Nuôi biển
Chế biến thủy sản	Dầu, khí vùng nước sâu và cực sâu
Vận tải hàng hải	Điện gió ngoài khơi
Cảng biển	Năng lượng tái tạo đại dương
Đóng mới và sửa chữa tàu	Khai thác khoáng sản biển và đáy biển
Dầu khí ngoài khơi (vùng nước nông)	An toàn và giám sát hàng hải
Công nghiệp và xây dựng công trình biển	Công nghệ sinh học biển
Du lịch biển và bờ biển	Sản phẩm và dịch vụ biển công nghệ cao
Dịch vụ thương mại biển	Khác
Nghiên cứu, phát triển và giáo dục biển	
Nạo vét	

Nguồn: OECD, 2016; Trần Văn Trường, 2022

Quan niệm về kinh tế biển như vậy về cơ bản cũng thống nhất với thông lệ quốc tế. Ví dụ, trong thống kê hàng năm về kinh tế biển của Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và Mỹ tập hợp trong khái niệm về kinh tế biển bao gồm các ngành kinh tế biển truyền thống và các ngành kinh tế biển mới. Như vậy thế giới đều thống nhất kinh tế biển là nền kinh tế tổng thành của các ngành công nghiệp do môi trường biển đem lại.

Tuy nhiên, kịch bản về kinh tế biển của OECD đến năm 2030 cho thấy một số ngành kinh tế biển có thể có mức tăng trưởng vượt trội so với mức tăng trưởng bình quân của thế giới và đóng góp lớn vào tạo ra việc làm. Tuy nhiên, áp lực lên không gian, tài nguyên, hệ sinh thái biển và đại dương cũng ngày càng gia tăng. Biển và đại dương đang và sẽ phải đối mặt với những mối đe dọa và rủi ro ngày càng tăng do biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm môi trường, khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên và kinh tế thiếu bền vững.

2.2. Kinh tế biển xanh

Về quan niệm kinh tế biển xanh được mở rộng hơn, cụ thể hoá khái niệm kinh tế xanh nói chung hướng đến phát triển bền vững. Đặc biệt, sau Hội nghị thượng đỉnh Rio de

Janeiro vào tháng 12/2012, Việt Nam đã đề cập đến vấn đề này nhiều hơn, và xem đây là nền tảng hướng đến phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030 mà nhiều nước trên thế giới đã cam kết thực hiện, trong đó có Việt Nam. Quan niệm kinh tế biển xanh được phát triển nhằm “xóa nghèo cũng như tăng trưởng kinh tế bền vững, tăng cường hòa nhập xã hội, nâng cao phúc lợi và tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho tất cả mọi người, trong khi duy trì được chức năng khỏe mạnh của các hệ sinh thái trái đất”.

Nói cách khác, kinh tế biển xanh lấy tài nguyên môi trường làm chất xúc tác để kích hoạt nền kinh tế. Và kinh tế biển xanh suy cho cùng là quá trình phát triển kinh tế biển, đảm bảo tính hiệu quả nhưng không làm tổn hại đến những nguồn tài nguyên và phải có nghĩa vụ bảo vệ môi trường, không làm thay đổi chất lượng môi trường. Nguồn tài nguyên ở đây là nguồn tự nhiên, liên quan đến giá trị nguyên sinh, giá trị văn hóa. Chính vì thế, nói về lý thuyết, kinh tế biển xanh rất coi trọng việc bảo toàn nguồn vốn tự nhiên, xã hội (Nguyễn Chu Hồi, 2021).

Như vậy, với cách tiếp cận kinh tế biển bền vững không chỉ coi biển là nơi cung cấp các nguồn lực kinh tế duy nhất, mà còn kêu gọi bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khi tìm cách cải thiện phúc lợi của con người và công bằng xã hội. Cách tiếp cận như vậy phải tính toán và kết hợp đầy đủ các tác động của biến đổi khí hậu, đảm bảo ứng phó với Covid-19 (kể cả các gói cứu trợ kinh tế) sẽ đóng góp vào việc phục hồi tốt hơn, vì một nền kinh tế biển công bằng, bền vững và có khả năng chống chịu hơn (Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Thu Hương, 2022).

Theo đó, Việt Nam cũng xác định cơ cấu ngành kinh tế biển xanh tập trung vào 6 lĩnh vực chính theo thứ tự ưu tiên là (1) Thủy sản; (2) Dầu khí; (3) Năng lượng biển tái tạo; (4) Du lịch biển và ven biển; (5) Hàng hải; (6) Môi trường, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái biển (Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tháng 5/2022), đánh giá vai trò của các ngành trong việc hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội thông qua 6 ngành/lĩnh vực chính (được lựa chọn) của kinh tế biển xanh ở Việt Nam.

Để phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, trong giai đoạn 2020-2025, Ninh Thuận cũng xác định phát triển đột phá: (1) Năng lượng và các ngành kinh tế mới; (2) Du lịch và dịch vụ ven biển; (3) Công nghiệp ven biển; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Kinh tế hàng hải; (6) Khai thác các tài nguyên khoáng sản biển khác.

3. Khái quát địa bàn nghiên cứu

Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, phát triển kinh tế biển ở Ninh Thuận đã trở thành nhu cầu tất yếu trong suốt quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

* *Vị trí địa lý:* Ninh Thuận được xem như là cửa ngõ kết nối các vùng: Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Nam Tây Nguyên; là cửa ngõ thuận lợi để ra biển của Tây Nguyên thông qua QL27 nối Đà Lạt và Phan Rang - Tháp Chàm - tuyến đường bộ ngắn nhất nối các tỉnh Nam Trung Bộ với thành phố du lịch lớn nhất Tây Nguyên. Đây là điều kiện quan trọng cho việc hình thành và phát triển các loại hình du lịch và thu hút du khách trong và ngoài nước. Ngoài ra nằm trong vùng tiếp cận các đầu mối giao thông, hạ tầng quan trọng như sân bay, cảng biển, khu kinh tế... nên địa phương giữ vai trò là cầu nối trong mối liên kết, thúc đẩy phát triển giữa khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

* *Tài nguyên tự nhiên*: Đường bờ biển kéo dài xen kẽ đồng bằng ven biển là vùng có nhiều tiềm năng cả về tự nhiên và văn hóa cho phát triển kinh tế biển, trước hết tạo điều kiện cho bố trí dân cư và các hoạt động kinh tế. Vùng đồng bằng ven biển chiếm 22,4% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông Cái và sông Lu nên tương đối bằng phẳng. Vùng này còn có 3 nghìn ha mặt nước đầm, vịnh và các bãi rạn lớn gần bờ, có các bãi tắm biển nổi tiếng như: Ninh Chữ - Bình Sơn, Cà Ná, Phước Dinh, Vịnh Vĩnh Hy,... Đây là vùng có điều kiện phát triển nông nghiệp, du lịch ven biển, nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất muối và sản xuất công nghiệp với mức độ tập trung cao và dân cư tập trung đông đúc.

Mặt khác, bờ biển cao và dốc, độ sâu lớn, thuận lợi cho xây dựng cảng và nơi trú ngụ tàu thuyền: Cà Ná, Ninh Chữ, Đông Hải - có hai ngư trường đánh bắt cá quanh năm. Trên Mũi Dinh có ngọn đèn hải đăng làm tiêu điểm cho tàu thuyền qua lại an toàn trong đêm tối. Bờ biển Ninh Thuận đã tạo thành thế thuận lợi trong việc vận chuyển đường thủy.

Vùng bờ biển còn tạo nên các cảnh quan, hệ sinh thái biển rất đa dạng và đặc thù, như phía Bắc có hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, rong biển. Vườn quốc gia Núi Chúa được UNESCO công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới (có loài rùa Vàng - một loài động vật đặc biệt quý hiếm của thế giới)... gắn với các công trình văn hoá Chăm nổi tiếng và nhiều cảnh quan tạo thế liên hoàn cho khả năng phát triển mạnh ngành du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp. Xuống phía nam là bờ đá, đụn cát ven biển (đồi cát Nam Cương, khu du lịch phong cách Mông Cổ Tanyoli với cảnh quan hiếm có ở Việt Nam đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn với du khách khi đến với Ninh Thuận).

Khí hậu khô hạn đặc thù là điều kiện lý tưởng để sản xuất muối công nghiệp, chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi và đặc biệt phát triển năng lượng tái tạo. Bức xạ nhiệt từ ánh nắng mặt trời trung bình trên 320 kcal/cm²/năm; số giờ nắng khoảng 2.500-3.000 giờ; độ mặn cao và ổn định, nên khả năng mở rộng diện tích làm muối lên tới 2.802 ha (Tri Hải, Đầm Vua, Cà Ná, Quán Thè). Hàng năm có hàng ngàn người lao động đến đây làm muối, muối công nghiệp sản xuất khối lượng lớn có giá trị kinh tế cao, cung cấp cho các ngành công nghiệp hóa chất trong nước và xuất khẩu.

Bên cạnh đó, số giờ nắng cao và tốc độ gió trung bình 7,1m/giây nên Ninh Thuận được đánh giá là một trong những địa phương có nhiều tiềm năng phát triển năng lượng hạt nhân, năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Mặt khác, những đặc điểm khí hậu trên còn thuận lợi cho quá trình quang hợp tạo sự tăng trưởng của các loại cây trồng, nhất là cây công nghiệp (nhô, thuốc lá, mía đường, bông vải); phát triển chăn nuôi gia súc có sừng; thuận lợi cho phơi sấy trong sản xuất ngư nghiệp và lâm nghiệp.

Nguồn tài nguyên thủy, hải sản đa dạng và phong phú tạo điều kiện cho khai thác, chế biến thủy, hải sản. Theo báo cáo của Viện Hải Dương học Nha Trang, biển Ninh Thuận nằm trong vùng nước trời, có các cửa biển là cửa Cà Ná, Đông Hải, Vĩnh Hy, Khánh Hội nên rất phong phú các chủng loại sinh vật phù du ở 2 tầng nổi và đáy. Mặt khác, trong thời kỳ nước trời hoạt động, khối lượng động vật phù du đạt giá trị cao nhất 75-100 mg/m³. Tổng trữ lượng cá tôm khai thác hàng năm khoảng 113,6 nghìn tấn. Cảng Ninh Chữ, Đông Hải, Cà Ná là một trong những cảng biển lớn của cả nước, giàu nguồn lợi hải sản và có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch và phát triển công nghiệp khai thác thủy sản và khoáng sản biển.

Ngoài hiện tượng nước trời, vùng biển Ninh Thuận còn là nơi hội tụ của hai dòng hải lưu nóng và lạnh từ phía Bắc xuống và phía Nam lên kéo theo nhiều loài cá và hải sản di

chuyển theo hai dòng hải lưu này cộng lại với nguồn thức ăn phong phú tại đây nên đã làm tăng thêm nguồn lợi vùng biển, có nhiều loài có giá trị kinh tế cao như: cá hồng, cá thu, ngừ, tôm hùm, mực nang, mực ống, mực lá... đặc biệt sản lượng cá cơm có trữ lượng lớn phục vụ chế biến nước mắm và sấy khô xuất khẩu. Cá lăm, muối nhiều nên nghề làm nước mắm cũng được phát triển thịnh vượng ở Cà Ná, Ninh Chữ.

Khoáng sản ven biển mặc dù chưa được phát hiện và khai thác nhiều, nhưng cũng đã đóng góp một phần nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng, chủ yếu là nguồn phi khoáng: thạch anh tinh thể ở núi Chà Bang, cát thủy tinh ở Thành Tín, sét gốm ở Vĩnh Thạnh, cát kết vôi ở Sơn Hải, Cà Ná, đá vôi san hô tập trung ở Mỹ Tường, ngoài ra còn có cát phụ gia và đá xây dựng, titanium (ven biển Nam Cương đến Mũi Dinh).

* *Về văn hóa, xã hội*: Ninh Thuận là một trong những địa bàn sinh sống của người Việt cổ. Các nhà khảo cổ đã phát hiện ở Nhơn Hải (Ninh Hải) các mộ cổ chôn cùng với đồ đá, đồ sắt thuộc nền văn minh Sa Huỳnh cách đây khoảng 2.500 năm. Vì vậy, ngày nay người dân có kinh nghiệm sản xuất trong nhiều lĩnh vực kinh tế biển như làm muối, nước mắm, nghề thủ công truyền thống, nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản. Cơ cấu lao động cũng đang có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm số lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và tăng số lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

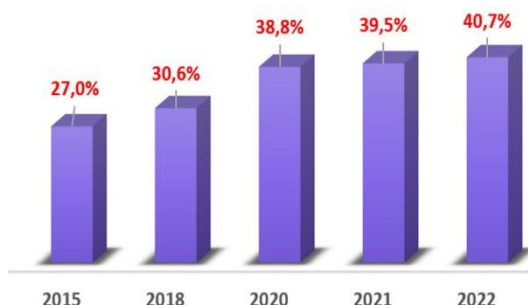
Theo thống kê, Ninh Thuận có nhiều di tích, công trình văn hóa, đặc biệt là văn hóa Chăm (14 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và 27 di tích được xếp hạng cấp tỉnh), bao gồm: chữ viết, dân ca, nghệ thuật múa, trang phục và nghề dệt thổ cẩm, nghề làm đồ gốm với nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc. Đặc sắc nhất là hệ thống tháp Chăm gần như còn nguyên vẹn xây dựng trong nhiều thế kỷ trước. Nghệ thuật dân ca và múa Chăm đã trở thành di sản của nền văn hóa Việt Nam. Đến nay người Chăm vẫn giữ nhiều nghi lễ như lễ khai nương, lễ đắp đập, lễ mừng lúa đón đòng, lễ hội Katê... Ninh Thuận còn một số làng nghề truyền thống như dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp, làng gốm Bầu Trúc...

Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các loại hình dịch vụ kèm theo như nhà hàng, công viên, khu đô thị ven biển, dịch vụ vui chơi giải trí... ngành kinh tế biển của Ninh Thuận ngày càng đi đúng hướng, khai thác có hiệu quả những thế mạnh vốn có, phát huy được lợi thế so sánh, tạo động lực và có tác động lan tỏa đến các lĩnh vực kinh tế khác. Nhất là trong xu hướng thúc đẩy phát triển kinh tế biển của quốc gia theo Nghị quyết 36/NQ-TW, triết lý kinh tế biển xanh (blue economy) và sự phát triển của khoa học công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, thì việc lựa chọn thế mạnh để phát triển với ứng dụng công nghệ số và hạn chế sự biến đổi khí hậu là yêu cầu bắt buộc đối với Ninh Thuận, điều đó xuất phát từ hạn chế của các nguồn lực về tài chính, nhân lực, khoa học công nghệ, khí hậu khắc nghiệt... của địa phương. Vì vậy, Ninh Thuận không thể đứng ngoài xu hướng phát triển thế mạnh về kinh tế biển và mở rộng không gian, liên kết kinh tế để tận dụng tối đa các nguồn lực và hạn chế đến mức thấp nhất biến đổi khí hậu mang tính toàn cầu nhằm đảm bảo tính liên tục của sự phát triển.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả đạt được

Trong 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế biển bình quân giai đoạn 2018-2022 đạt 14,41%/năm. Tỷ trọng đóng góp của kinh tế biển vào Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) của Ninh Thuận tăng từ 30,6% năm 2018 lên 40,71% năm 2022.

Tốc độ tăng trưởng GRDP của kinh tế biển giai đoạn 2015-2022 (%)**Tỷ trọng các ngành kinh tế biển Ninh Thuận năm 2022**

Nguồn: Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Thuận, 2015-2022

Năng lượng và các ngành kinh tế mới: tính đến tháng 12/2022 tỉnh Ninh Thuận đã có 38 dự án năng lượng tái tạo như điện gió Trung Nam, Mũi Dinh, Đầm Nai, với tổng công suất khoảng 2.585,6 MW; vận hành thương mại phát điện trên 5,6 tỉ kWh, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế biển, trong đó Trung tâm điện lực LNG Cà Ná khi được đưa vào sử dụng trung tâm điện lực quốc gia (1.500 MW) sẽ góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và an toàn hệ thống điện, ổn định, cân bằng nguồn điện cho các dự án điện gió, mặt trời. Ngoài ra Ninh Thuận đang đưa vào quy hoạch khai thác các lợi thế mới như điện gió ngoài khơi, cảng cạn và trung tâm logistics, tổng kho xăng dầu, công nghiệp chế biến hóa chất từ muối...

Du lịch và dịch vụ ven biển: chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu du lịch của địa phương. Từ năm 2011-2015, số lượng khách du lịch tăng trung bình 14,9%/năm, giai đoạn 2016-2019 số lượng khách du lịch tăng trung bình 13,5%/năm, từ năm 2019-2020 lượng khách du lịch giảm rõ rệt từ 3.901,4 nghìn lượt năm 2019 còn 2.556,7 nghìn lượt năm 2020 do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận 2011-2020).

Năm 2022, lượng khách du lịch đạt 2,4 triệu lượt (cao nhất từ trước đến nay), tăng gấp 2,6 lần năm 2021, trong đó khách quốc tế là 11.800 lượt khách, đạt doanh thu 1.813 tỷ đồng và dự kiến đến năm 2030 sẽ lên tới 6 triệu lượt khách, doanh thu 5.900 tỷ đồng. Như vậy, khách du lịch đến Ninh Thuận chủ yếu là khách nội địa chiếm tỷ trọng rất lớn, trên 95%, khách du lịch quốc tế có sự gia tăng trước đại dịch Covid-19. Trong giai đoạn 2016-2022, doanh thu du lịch của Ninh Thuận tăng liên tục từ 750 tỷ đồng lên 1.813 tỷ đồng, trung bình mỗi năm tăng thêm 125 tỷ đồng (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, 2022: 6).

Công nghiệp và khai thác khoáng sản ven biển: được xác định là một trong những ưu tiên để phát triển các ngành kinh tế biển, nên địa phương đã tập trung phát triển các ngành: công nghiệp chế biến thủy sản (tôm xuất khẩu công suất 8.000 tấn/năm), công nghiệp khai thác, chế biến muối và hóa chất từ muối (xuất khẩu muối ở Quán Thè 2.510 ha, sản lượng 500 nghìn tấn/năm, trong đó muối cao cấp và muối i-ốt 200 nghìn tấn/năm), công nghiệp phụ trợ, công nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu thuyền phục vụ đánh bắt hải sản; phát triển các sản phẩm làng nghề chế biến cá hấp, nước mắm (nhà máy nước mắm Cà Ná 3 triệu lít/năm)....

Khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) ven biển: KCN Thành Hải (78ha), KCN Cà Ná (827,2ha, đang xin chủ trương đầu tư), CCN Trí Hải (25ha), CCN chế biến thủy sản (17ha).

Nuôi trồng và khai thác hải sản: giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân 9,2% và đến năm 2020 chiếm 59,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành. Những năm trở lại đây, địa phương định hướng phát triển đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, nên sản lượng hải sản tăng nhanh, bình quân tăng 9,4%/năm, về cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu công nghiệp chế biến, xây dựng thương hiệu “Tôm giống Ninh Thuận”. Năm 2021, có 500 cơ sở sản xuất giống thủy sản, sản lượng 39.371 triệu con.

Kinh tế hàng hải: chủ yếu phục vụ như cảng cá và neo đậu tàu thuyền, đánh, bắt cá, trừ cảng Ninh Chữ là cảng tổng hợp địa phương loại II. Hiện nay, cảng Cà Ná tiếp nhận tàu 100.000 tấn, phục vụ chủ yếu các mặt hàng như muối công nghiệp, hải sản, vật liệu xây dựng, mỗi năm có 500 chiếc tàu cá loại dưới 140 CV cập cảng. Ngoài ra còn có cảng Ninh Chữ, Đông Hải, Vĩnh Hy, bến cá Mỹ Tân. Tuy nhiên, Ninh Thuận vẫn còn nằm ngoài các tuyến hàng hải quốc tế và trong nước.

4.2. Khó khăn, thách thức

Dù có nhiều tiền đề thuận lợi về địa lý, về tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế biển và thực tế kinh tế biển địa phương những năm qua đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, để kinh tế biển Ninh Thuận trở thành động lực và có sức lan tỏa đến các lĩnh vực kinh tế khác, thực hiện được các chỉ tiêu như trong định hướng Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 17/01/2022 về phát triển kinh tế biển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, thì vẫn cần nhận diện những khó khăn, thách thức.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế biển còn hạn chế, nhất là đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ (hạ tầng khu dân cư ven biển); cảng biển kết nối liên thông với tuyến đường cao tốc, đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 1A chưa nhiều; cảng biển phần lớn là cảng nhỏ, chưa có các cảng biển hàng hoá và cảng biển chuyên dùng (như: bến, bè, bãi, kho, các công trình phụ trợ, dịch vụ, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, giao thông và cây xanh), nên chưa hình thành được các loại hình vận tải biển và dịch vụ logistics;

- Lĩnh vực thủy sản phát triển chưa bền vững, hiệu quả nghề khai thác còn thấp. Các khu vực sản xuất tôm giống, nuôi trồng thủy sản án ngữ mặt biển; ô nhiễm môi trường. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực nuôi trồng thủy sản các thông số như: COD, TSS vượt quy chuẩn cho phép; tại cảng cá (Đông Hải và Cà Ná) bị ô nhiễm Fe và Coliform. Nguyên nhân là do chất thải, nước thải từ tàu thuyền, các cơ sở sản xuất, dịch vụ hậu cần nghề cá. Môi trường nước ở khu vực Vĩnh Hy cũng bị ô nhiễm nặng, do nuôi trồng thủy hải sản, khiến nhiều loại dịch bệnh phát sinh. Nước thải từ các đầm nuôi thủy sản thải ra biển đã làm gia tăng xói lở bờ biển.

- Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, tỷ trọng trong GDP còn thấp; một số dự án du lịch có quy mô lớn chậm hoàn thành; Chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch Ninh Thuận đang chịu sự cạnh tranh với các địa phương lân cận vốn có thế mạnh về truyền thống du lịch như Khánh Hòa và Bình Thuận.

- Công tác quản lý đất đai, quy hoạch, môi trường và thu hút đầu tư có mặt còn bất cập; ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của một bộ phận nhân dân vùng ven biển chưa cao;

ô nhiễm môi trường ở một số nơi chậm được khắc phục. Vẫn biết rằng, khi du lịch phát triển đồng thời cũng là mối đe dọa đến hệ sinh thái và sinh cảnh, nhất là khi tốc độ phát triển quá nhanh của hoạt động du lịch vượt ngoài khả năng và nhận thức về quản lý, chắc chắn sẽ tạo ra sức ép lớn đến khả năng đáp ứng của tài nguyên và môi trường, từ đó gây ô nhiễm cục bộ và nguy cơ suy thoái lâu dài, đồng thời sẽ dễ phá vỡ các giá trị văn hóa bản địa. Cụ thể tại các khu vực bãi tắm và thể thao dưới nước, nước biển bị ô nhiễm do chất hữu cơ và Fe. Các số liệu thống kê cho thấy, ven bờ biển Ninh Thuận kéo dài từ Bình Tiên đến Mũi Dinh, hàng năm có khoảng 60% chất thải ra biển có nguồn gốc từ các bãi tắm ven bờ, khu dân cư, nhà hàng, khách sạn, thuyền tham quan... Trong đó rác thải nhựa chiếm khoảng 60%, chủ yếu là các sản phẩm nhựa dùng một lần như túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, ống hút nhựa, mũ, tắm bông...

Bên cạnh đó, với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế vùng ven biển, sức ép lớn từ hạ tầng du lịch, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, đã làm cho không gian văn hóa làng biển thu hẹp dần, từ đó các phong tục tập quán của ngư dân cũng ít nhiều mai một - vốn được hun đúc từ bao đời nay. Đây cũng là xu thế tất yếu của quá trình đô thị hóa ngày càng mở rộng về hướng đông. Nên trong thời gian tới, văn hóa vùng biển sẽ ngày càng chịu sức ép nặng nề về hạ tầng, tốc độ đô thị hóa và các lợi ích khác.

- Tác động của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng cũng đang ảnh hưởng rõ rệt đến Ninh Thuận do đặc thù về vị trí địa lý và địa hình, Ninh Thuận thường xuyên chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (hạn hán, hoang mạc hóa, bão, lũ quét, ngập lụt...) đã tác động không nhỏ đến hoạt động phát triển du lịch ở đây, đặc biệt là các giá trị tự nhiên và hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật ở vùng ven biển và qua đó ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững. Với tác động của nước biển dâng, kịch bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020) cho thấy với mực nước dâng 100 cm sẽ ảnh hưởng đến 0,37% diện tích của tỉnh, tập trung chủ yếu tại khu vực Đầm Nại, cửa sông Cái Phan Rang, khu vực Cà Ná, trong đó đồng bằng hẹp ven biển huyện Ninh Hải có nguy cơ ngập cao nhất (3,04% diện tích). Tác động của biến đổi khí hậu đã đang và sẽ là một trong những thách thức lớn nhất mà tỉnh Ninh Thuận phải đối mặt trong giai đoạn tới.

Ngoài ra còn có hạn chế khác như chất lượng nguồn nhân lực một số ngành, lĩnh vực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, công tác đào tạo nghề có lĩnh vực chưa sát với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất...

5. Kịch bản phát triển kinh tế biển xanh cho Ninh Thuận

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, phân tích hạn chế, năng lực khai thác cũng như yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương và yêu cầu phát triển “kinh tế biển là động lực” và “tiếp tục phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững gắn với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; xây dựng Ninh Thuận là một trong những địa phương mạnh về biển. Phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng” (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025). Nghiên cứu đưa ra kịch bản kinh tế biển xanh dựa trên những đánh giá tích cực, khả thi theo góc nhìn cá nhân để tham khảo.

Kịch bản gốc: Được phát triển dựa trên các phương pháp tiếp cận hiện tại và các kế hoạch và chiến lược đã được xây dựng phê duyệt đến năm 2025 của Ninh Thuận. Trong

kịch bản gốc, các ngành kinh tế vẫn phát triển trong không gian biển sẵn có, không gây ra xung đột lớn đến các lĩnh vực kinh tế biển khác, vẫn tôn trọng phát triển kinh tế, việc làm địa phương, văn hóa địa phương. Thêm vào đó, việc khai thác các ngành kinh tế biển phải dựa trên việc sử dụng các nguồn lực một cách hợp lý (như vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường). Đồng thời các ngành kinh tế biển vẫn sẽ giúp địa phương tạo ra các giá trị kinh tế, do đó sự ảnh hưởng đến môi trường của các ngành kinh tế biển vẫn ở mức chấp nhận được.

Theo kịch bản kinh tế biển xanh: Cơ chế chính sách địa phương có sự điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu gia tăng chất lượng và đảm bảo bền vững môi trường và duy trì nguồn tài nguyên biển (Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Thu Hương, 2022). Về cơ bản vẫn dựa trên kịch bản gốc, tuy nhiên ở đây đã bắt đầu có những hành động thực tế cải thiện môi trường, làm giàu thêm hệ sinh thái biển như ban hành các chính sách quản lý vùng biển tự nhiên, bảo tồn biển và phát triển môi trường thiên nhiên và di sản văn hoá vùng ven biển, giảm thiểu sự khai thác quá mức và rác thải, thúc đẩy nghiên cứu khoa học để hiểu hơn về biển, khả năng khai thác các ngành năng lượng sạch...

Một số nội dung chính của kịch bản kinh tế biển xanh ở Ninh Thuận thuộc 6 lĩnh vực nêu trên:

(1) *Năng lượng và các ngành kinh tế mới:* Là kịch bản mà các dự án điện gió ven biển, điện gió ngoài khơi, điện khí hóa lỏng LNG được đưa vào khai thác và đề xuất đưa vào Quy hoạch quốc gia sẽ được xem xét khai thác ở mức tối đa tiềm năng kinh tế - kỹ thuật. Kịch bản này sẽ góp phần đưa Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng sạch của Việt Nam và thế giới.

Theo đó, đến năm 2030, tổng công suất lắp đặt đề xuất sẽ là 23.442,23 MW, chiếm tỷ trọng khoảng 16% GRDP của tỉnh. Trong đó, các dự án điện gió (đất liền, ven biển, trên biển và ngoài khơi) là 5.800 MW; điện mặt trời (áp mái, mặt đất và mặt nước) là 9.048 MW; nguồn năng lượng khác (điện khí LNG, sinh khối, sinh khí và rác): phát triển khoảng 6.058,43 MW.

Bảng 2. Kịch bản đề xuất dự án điện gió vào năm 2030 so với kịch bản gốc

Đơn vị tính: MW			
Tổng công suất	Gần bờ	Dự án điện gió Ngoài khơi (nằm trong phạm vi từ 3 hải lý tính từ đường ranh giới trên biển đến 50 km)	Ngoài khơi (trên 50 km)
8.800	2.800	3.000	3.000

Nguồn: UBND tỉnh Ninh Thuận, 2022

Như vậy, trong kịch bản xanh, tỷ lệ sản xuất điện từ các nguồn điện gió ngoài khơi được nổi trội cao hơn so với kịch bản gốc do lượng điện gió ngoài khơi được phát triển khá lớn. Phát triển năng lượng sạch sẽ giúp giảm phát thải khí nhà kính và đảm bảo an ninh năng lượng địa phương và quốc gia vào năm 2030, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn nhiên liệu nhập khẩu, giảm phát thải chất ô nhiễm do đốt nhiên liệu hóa thạch và khí nhà kính.

Vấn đề cơ bản cần xem xét ở đây sẽ bao gồm tiềm năng khai thác kinh tế, kỹ thuật của các nguồn điện gió ngoài khơi, khả năng và các nguồn hỗ trợ tài chính sẵn có trong điều kiện của Ninh Thuận, nhu cầu điện quốc gia đến năm 2030 và cả sự hạn chế, thiếu hụt khi tiến đến dần thay thế các nguồn năng lượng truyền thống đang dần cạn kiệt. Bên cạnh đó, các vấn đề về chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến môi trường sống của các sinh vật biển, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy hải sản, tuyến cáp quang ngầm dưới biển... cũng cần tính đến.

(2) *Du lịch và dịch vụ ven biển*: Kịch bản xanh trong du lịch biển xem xét các yếu tố liên quan như: Tác động của biến đổi khí hậu, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tập trung phát triển bền vững, chú trọng hiệu quả kinh doanh thông qua nâng cao chất lượng, ứng dụng công nghệ số đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Bảng 3. Kịch bản đa dạng hóa sản phẩm du lịch để tăng chi tiêu và thời gian lưu trú của du khách

Năm	Khách du lịch (ngàn lượt)		Thời gian lưu trú (ngày)		Chi tiêu bình quân (USD/ngày)	
	2025	2030	2025	2030	2025	2030
Khách quốc tế	455	900	3	5	100	150
Khách trong nước	3.045	5.100	5	7	90	130

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận từ năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của UBND tỉnh Ninh Thuận

Có thể thấy, khi chú trọng hiệu quả kinh doanh thông qua nâng cao chất lượng, ứng dụng công nghệ số, đa dạng hóa sản phẩm du lịch thì tổng lượng khách du lịch sẽ tăng lên, du khách cũng có nhiều trải nghiệm hữu ích hơn. Ngoài ra ứng dụng công nghệ số cũng làm giảm chi phí vận hành hệ thống lên đến 23%, góp phần tiết kiệm chi phí nhân công, giảm giá thành sản phẩm cung ứng dẫn đến tăng chi tiêu của du khách và kéo dài thời gian lưu trú của họ. Để đạt được điều này, các sản phẩm du lịch cần đa dạng hơn nữa, nâng cao chất lượng dịch vụ và khuyến khích các loại hình du lịch có thời gian kéo dài.

(3) *Công nghiệp ven biển*: Phát triển cụm ngành nhằm phát huy tiềm năng của địa phương, đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, tăng trưởng xanh, từng bước chuyển sang các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ hiện đại, năng suất lao động cao, có giá trị gia tăng. Giai đoạn 2021-2030 dự báo tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp đạt khoảng 18-19%, trong đó giai đoạn 2021-2025 tăng khoảng 17-18%, giai đoạn 2026-2030 tăng khoảng 18-19%. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đến năm 2025 chiếm từ 42-43% và chiếm từ 47-48% vào năm 2030 trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Trong đó tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm 2025 chiếm 7,4% GRDP và chiếm 9,23% vào năm 2030.

Công nghiệp chế biến thủy sản: Phát triển chế biến hải sản hướng đến xuất khẩu sang thị trường các nước, gắn với phát triển làng nghề và thương hiệu sản phẩm (nước mắm, cá hấp khô). Phát triển hệ thống kho lạnh, bảo quản và sửa chữa tàu thuyền gắn với các cảng cá tại Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ... Xúc tiến thu hút, kêu gọi đầu tư vào các Khu công nghiệp Du Long, Phước Nam, Cà Ná...

(4) *Nuôi trồng và khai thác thủy hải sản*: Để cải thiện tính bền vững của nghề cá biển quốc gia theo các quy định trong Luật Thủy sản năm 2017, địa phương cần có những hành động thích hợp, hiệu quả trong quản lý nghề cá và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

+ *Đối với đánh bắt*, để đảm bảo phát triển bền vững nghề cá và nguồn lợi thủy sản, sản lượng đánh bắt hằng năm sẽ phải giảm xuống mức sản lượng bền vững tối đa 100 ngàn tấn/năm trong giai đoạn tiếp theo 2026-2030 so với 127,7 ngàn tấn năm 2022.

Để đạt mức này vào năm 2030, địa phương chuyển đổi tàu cá đang khai thác ven bờ sang nghề dịch vụ nuôi trồng thủy sản, nghề cá giải trí hoặc tham gia hướng dẫn du lịch trong khu vực bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

+ *Đối với nuôi, trồng ở biển*, phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung phát triển tôm giống, nuôi hải sản tầng biển sâu. Khai thác và bảo vệ hiệu quả tính đa dạng sinh học đối với các đối tượng nuôi vùng Đầm Nại để vừa khai thác bền vững, vừa phát triển du lịch và đô thị ven biển. Ứng dụng công nghệ cao từ việc chọn tạo, nhân giống, phòng, trừ dịch bệnh, chế biến, bảo quản cho các đối tượng nuôi trồng thủy sản: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá biển. Có thể được khai thác sử dụng vào nuôi, trồng rong biển, vi tảo biển, cá biển, nhuyễn thể.

Với dự báo sẽ có nhiều nỗ lực hơn nữa trong nghiên cứu công nghệ và cơ chế quản lý hiệu quả hơn lĩnh vực nuôi biển, thì sản lượng nuôi biển được dự đoán sẽ tăng lên 1,4 triệu tấn (2030) so với 850 nghìn tấn (2025).

(5) *Kinh tế hàng hải*: Trọng tâm là khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải biển. Quy hoạch, xây dựng, tổ chức khai thác đồng bộ, có hiệu quả các cảng biển tổng hợp, cảng trung chuyển, cảng chuyên dùng gắn với các dịch vụ hỗ trợ, xây dựng hoàn thiện hạ tầng logistics và các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông với các cảng biển địa phương khác.

Phát triển cảng biển theo mô hình cảng xanh: Xác định tiêu chí cảng xanh và tổ chức triển khai áp dụng thí điểm mô hình cảng xanh phù hợp với điều kiện tự nhiên địa phương; thúc đẩy việc sử dụng công nghệ sạch, lượng cacbon thấp, thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh khai thác cảng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và hệ sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; áp dụng bắt buộc tiêu chí cảng xanh từ năm 2030. Có thể áp dụng thí điểm dự án cảng tổng hợp Cà Ná, mở rộng trọng tải tiếp nhận bến tàu lên 100.000 tấn/năm, nâng cấp tàu biển theo hướng hiện đại, tăng khả năng khai thác hiệu quả.

(6) *Khai thác, sử dụng bền vững các tài nguyên khoáng sản biển khác*: Tài nguyên khoáng sản biển được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển là 3 trụ cột chính của phát triển kinh tế - xã hội bền vững gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác sẽ đi đôi với suy thoái, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường, vì vậy vấn đề ô nhiễm môi trường biển cần được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; bên cạnh đó đa dạng sinh học biển, ven biển cũng được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

Theo đó, để khai thác tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học biển phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế biển xanh, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thăm dò, khảo sát, đánh giá tiềm năng các khoáng sản có trữ lượng lớn gắn với chế biến sâu. Bên cạnh đó cũng cần thiết phải thực hiện định kỳ công tác kiểm soát, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây

ô nhiễm môi trường biển, phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển bị suy thoái. Đến năm 2030, tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển, 80% các khu vực biển có đa dạng sinh học cao được áp dụng chính sách bảo tồn hiệu quả. 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% có hệ thống xử lý nước thải tập trung từ nuôi trồng (bùn ao nuôi thủy sản), đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và sức tải môi trường biển, khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển, đảo.

5. Kết luận

Xu hướng phát triển kinh tế biển xanh, bền vững là tất yếu. Với những lợi thế đặc biệt về vị trí địa lý, thiên nhiên, con người và văn hóa... Ninh Thuận có rất nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, chặng đường phát triển kinh tế biển ở địa phương vẫn còn đối diện nhiều khó khăn, thách thức. Vấn đề quan trọng là cần nhận diện được đầy đủ, đặt ra yêu cầu tìm kiếm và xác định điểm cân bằng trong phát triển giữa các ngành nghề kinh tế biển, giữa khai thác và bảo tồn các nguồn tài nguyên biển. nhằm phát triển kinh tế biển Ninh Thuận một cách bền vững, đóng góp tích cực hơn cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm nhiều việc làm cho cộng đồng, đồng thời góp phần bảo tồn các giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa và xóa đói giảm nghèo.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). (2022). Báo cáo: *Kinh tế biển xanh Việt Nam hướng đến kịch bản phát triển bền vững kinh tế biển*.
- Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận. *Niên giám thống kê tỉnh Ninh Thuận năm 2017, 2021*. Nxb. Thống kê.
- Lê Anh Tú. (2023). Ninh Thuận: Định hướng trở thành trung tâm năng lượng lớn nhất cả nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phòng Thông tin và xúc tiến thương mại - VIOIT, Bộ công thương, Viện nghiên cứu Chiến lược Chính sách Công thương. <https://vioit.org.vn/vn/tin-hoat-dong-nganh/ninh-thuan--dinh-huong-tro-thanh-trung-tam-nang-luong-lon-nhat-ca-nuoc-thoi-ky-2021-2030--tam-nhin-den-nam-2050-5349.4056.html#:~:text=TIN%20T%E1%BB%A8C-,Ninh%20Thu%E1%BA%ADn%3A%20%C4%90%E1%BB%8Bnh%20h%C6%B0%E1%BB%9Bng%20tr%E1%BB%9F%20th%C3%A0nh%20trung%20t%C3%A2m%20n%C4%83ng%20l%C6%B0%E1%BB%A3ng,t%E1%BA%A7m%20nh%C3%ACn%20%C4%91%E1%BA%BFn%20n%C4%83m%202050&text=L%C3%A0%20t%E1%BB%89nh%20n%E1%BA%B1m%20E1%B%9F%20trung,%2C%20khu%20kinh%20t%E1%BA%BF...>
- Nguyễn Chu Hồi. (2021). Kinh tế biển xanh: *Hướng đến phát triển đô thị biển bền vững*. Bộ Tài nguyên và môi trường, Trung tâm truyền thông và môi trường.
- Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Thu Hương. (2022). Xây dựng các kịch bản kinh tế biển xanh để phát triển kinh tế đại dương bền vững. Tạp chí *Ngân hàng*. Số 6.
- Trần Văn Trường. (2022). *Một số phương hướng phát triển kinh tế biển tỉnh Ninh Thuận trong thời kỳ mới*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học lấy ý kiến chuyên gia của tỉnh Ninh Thuận năm 2022.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. (2022a). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội giai đoạn 2015-2022*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. (2022b). *Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học lấy ý kiến chuyên gia của tỉnh Ninh Thuận năm 2022.